

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG  
BAN KINH TẾ

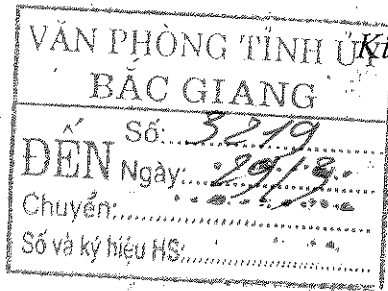
\*

Số 4417 - CV/BKTTW

V/v xây dựng báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện  
Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019  
của Bộ Chính trị Khóa XII

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024



- Kính gửi:
- Đảng đoàn Quốc hội;
  - Ban cán sự đảng Chính phủ;
  - Ban Tuyên giáo Trung ương;
  - Ban Dân vận Trung ương;
  - Ban cán sự đảng các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ;
  - Các tỉnh ủy, thành ủy;
  - Các đảng ủy trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Chương trình công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2024, Ban Kinh tế Trung ương được Bộ Chính trị giao chủ trì, phối hợp các cơ quan và địa phương liên quan xây dựng Đề án sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị Khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 39) trình Bộ Chính trị (thông báo tại văn bản số 9113-CV/VPTW, ngày 29/01/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng).

Ban Kinh tế Trung ương xin gửi Kế hoạch sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 39 và đề nghị các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy căn cứ Kế hoạch để chủ động tổ chức sơ kết, đánh giá tình hình 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 39 theo hình thức phù hợp; xây dựng Báo cáo sơ kết, đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết 39 theo đề cương đính kèm.

Đối với các cơ quan, địa phương tổ chức Hội nghị sơ kết đánh giá tình hình 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 39, đề nghị thông tin về Ban Kinh tế Trung ương để báo cáo Ban Chỉ đạo phân công các thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ Biên tập Đề án tham dự.

Báo cáo sơ kết, đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết 39 của các cơ quan, địa phương gửi về Ban Kinh tế Trung ương (địa chỉ: Nhà A4, Nguyễn Cảnh Chân, Ba Đình, Hà Nội) trước ngày 15/5/2024.

Trong quá trình xây dựng Đề án, Ban Kinh tế Trung ương sẽ tổ chức Đoàn công tác bao gồm một số thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ Biên tập đến làm việc, khảo sát thực tế, giám sát chuyên đề việc thực hiện Nghị quyết 39 tại một số cơ quan và địa phương liên quan theo kế hoạch cụ thể.

(Đầu mối liên hệ: Đ/c Nguyễn Quang Huy, Phó Vụ trưởng điều hành Vụ Kinh tế tổng hợp, Ban Kinh tế Trung ương, ĐT: 0902014977, email: [huynq@kinhtetrunguong.vn](mailto:huynq@kinhtetrunguong.vn)).

Ban Kinh tế Trung ương đề nghị các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy quan tâm triển khai thực hiện.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Đ/c Thường trực Ban Bí thư (để báo cáo),
- Đ/c PTB Nguyễn Duy Hưng (để báo cáo),
- Vụ Kinh tế tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Ban.

**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đức Hiên**

# **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SƠ KẾT**

**5 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019  
của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng  
và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế**

*(kèm theo Công văn số 4477/CV/BKTTW, ngày 27/3/2024  
của Ban Kinh tế Trung ương gửi Tỉnh ủy/Thành ủy trực thuộc Trung ương)*

## **Phần I**

### **CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, QUẢN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 39**

#### **1.1. Về công tác phổ biến, quán triệt Nghị quyết**

- Tình hình phổ biến, quán triệt Nghị quyết (đề nghị nêu rõ thông tin về hình thức, đối tượng, số lượng tham gia; báo cáo viên và báo cáo; tài liệu phổ biến, quán triệt; ...).

- Đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân (tính đầy đủ, kịp thời trong tổ chức phổ biến, quán triệt; chất lượng báo cáo viên và nội dung báo cáo, chất lượng và tính đa dạng của các tài liệu phổ biến, quán triệt; ...)

#### **1.2. Về công tác triển khai thực hiện Nghị quyết**

- Việc xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch/Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy xây dựng, ban hành, tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết.

- Đánh giá khái quát về việc xây dựng và ban hành kế hoạch, chương trình công tác hàng năm và các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế.

- Tài liệu đề nghị gửi kèm: (i) Phụ lục Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật đã được rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng và ban hành mới; các cơ chế, chính sách theo thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương kể từ khi ban hành Nghị quyết đến hết năm 2023<sup>1</sup> và (ii) Kế hoạch/Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết.

## **Phần II**

### **KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 39, KẾ HOẠCH/CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

#### **2.1. Kết quả triển khai thực hiện các quan điểm và mục tiêu của Nghị quyết<sup>2</sup>**

<sup>1</sup> Theo mẫu đính kèm.

<sup>2</sup> Từ khi ban hành Nghị quyết đến hết năm 2023, có cập nhật đến thời điểm báo cáo.

*Trên cơ sở các quan điểm, mục tiêu tại Nghị quyết 39 và được cụ thể hóa tại Kế hoạch/Chương trình hành động của địa phương, đề nghị đánh giá:*

### **2.1.1. Kết quả triển khai thực hiện các quan điểm**

- Quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng và phát huy có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế cho phát triển đất nước là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế là yêu cầu cấp bách trong tình hình hiện nay để khắc phục các tồn tại, yếu kém của nền kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đất nước theo các mục tiêu Đại hội Đảng lần thứ XII đề ra.

- Đa dạng hoá các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hoá, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực cho phát triển. Đẩy mạnh kinh tế hoá nguồn vật lực, trong đó tập trung vào nguồn lực tài nguyên thiên nhiên. Tập trung khai thác tối đa tiềm năng khoa học và công nghệ cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Kiểm kê, đánh giá đầy đủ, thực chất các nguồn lực của nền kinh tế là cơ sở quan trọng để xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn trong từng thời kỳ. Tất cả các nguồn lực của nền kinh tế phải được kiểm kê đánh giá, thống kê, hạch toán đầy đủ, đúng đắn trong nền kinh tế; được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát đối với việc khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, cạn kiệt nguồn lực của đất nước và hủy hoại môi trường.

### **2.1.2. Kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu (đề nghị bám sát các mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết có liên quan đến địa phương)**

a) *Kết quả thực hiện mục tiêu tổng quát*

b) *Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể*

- Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể giai đoạn 2019-2023

- Đánh giá khả năng hoàn thành các mục tiêu cụ thể đến năm 2025, 2035 và 2045

### **2.2. Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp**

*Trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp/nhóm giải pháp chung nêu tại Nghị quyết 39 dưới đây và Kế hoạch/Chương trình hành động của địa phương gợi ý đánh giá:*

*(i) Các văn bản quy phạm pháp luật; hệ thống cơ chế, chính sách của Trung ương và địa phương được ban hành trong giai đoạn 2019-2023; (ii) Tác động của các kết quả thực hiện, những hạn chế và nguyên nhân trong quá trình thực hiện.*

#### **2.2.1. Các nhiệm vụ, giải pháp chung**

- Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách để khơi thông,

giải phóng tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn lực của đất nước.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển từ chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên, vốn đầu tư và lao động sang sử dụng tổng hợp, có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế; nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững của nền kinh tế.

- Cơ cấu lại nền kinh tế, ngành, vùng và sản phẩm chủ yếu theo hướng hiện đại, phát huy lợi thế so sánh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung các nguồn lực phát triển những sản phẩm có lợi thế so sánh, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng cao và có thị trường tiêu thụ. Đổi mới cơ cấu thành phần kinh tế theo hướng bảo đảm cạnh tranh công bằng, bình đẳng, tôn trọng tính phổ biến hơn là nhấn mạnh tính đặc thù; định vị vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước tập trung vào định hướng, dẫn dắt và thực hiện những dịch vụ công, đầu tư các dự án trọng điểm quốc gia mà các thành phần kinh tế khác không đủ năng lực hoặc không có nhu cầu đầu tư.

- Nâng cao năng lực kiến tạo, quản trị quốc gia và năng lực tự chủ, đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở tăng cường năng lực phân tích, đánh giá, dự báo trên các lĩnh vực. Thực hiện công khai, minh bạch, bình đẳng và dân chủ hoá đời sống kinh tế - xã hội. Kiểm soát tốt quyền lực, đề cao trách nhiệm giải trình và đạo đức công vụ. Xây dựng và thực thi nghiêm các chế tài đủ mạnh nhằm ngăn chặn hành vi cửa quyền, độc quyền; cơ chế xin - cho; lợi ích nhóm; đẩy lùi tham nhũng, góp phần củng cố lòng tin của các nhà đầu tư, doanh nghiệp và toàn xã hội.

- Chủ động nắm bắt cơ hội, tận dụng tối đa thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Trước mắt cần nghiên cứu thấu đáo nội hàm, phương thức vận hành và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; định hướng nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cụ thể vào một số ngành, lĩnh vực, địa bàn để chủ động hội nhập và hoà chung vào dòng chảy của cuộc cách mạng công nghiệp này.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chia sẻ thông tin về các nguồn lực trong nền kinh tế để sử dụng tối ưu và hiệu quả; phân phối, chia sẻ và tái sử dụng có hiệu quả các nguồn lực dư thừa, làm gia tăng giá trị các nguồn lực của nền kinh tế.

### **2.2.2. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đối với từng nguồn lực**

#### **a) Đối với nguồn nhân lực**

- *Nâng cao nhận thức, hoàn thiện thể chế về phát triển, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực Việt Nam: (i)* Tuyên truyền sâu rộng, nâng cao nhận thức, thực hiện tốt chủ trương coi giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu. *(ii)* Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy

mạnh đào tạo theo nhu cầu thị trường lao động trên địa bàn. **(iii)** Triệt để khắc phục “bệnh thành tích” và những tiêu cực trong giáo dục, đào tạo ở địa phương; khắc phục tâm lý và hiện tượng quá coi trọng và đề cao “Bằng cấp”, “Chứng chỉ” một cách hình thức trong tuyển dụng và đánh giá nhân lực tại địa phương. **(iv)** Đổi mới công tác quản lý và phương thức hoạt động của các đoàn thể, các tổ chức quần chúng, xã hội, nghề nghiệp... ở địa phương trong phát triển nguồn nhân lực. **(v)** Phát triển mạnh hệ thống thông tin đại chúng tại địa phương, mở rộng cơ hội và tăng cường năng lực cho người dân tiếp cận thông tin, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí, có cuộc sống tinh thần lành mạnh nhằm nhanh chóng tái tạo, phát triển năng lực làm việc và khả năng sáng tạo của mỗi người.

- *Đổi mới công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực:* **(i)** Cải thiện điều kiện, môi trường lao động để tạo động lực, khuyến khích lao động hiệu quả, sáng tạo ở địa phương. **(ii)** Đổi mới công tác đào tạo, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương. **(iii)** Đẩy mạnh quá trình trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị, tổ chức sự nghiệp công lập ở địa phương trong quản lý, sử dụng nhân lực. **(iv)** Thực hiện giám sát xã hội, bảo đảm vai trò giám sát của cộng đồng, phát huy vai trò của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong việc giám sát chất lượng đào tạo nhân lực trên địa bàn Tỉnh/Thành phố. **(v)** Hình thành các trường dạy nghề chất lượng cao đạt đẳng cấp quốc tế và khu vực. Phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề theo hướng xã hội hoá. Gắn đào tạo nghề ở địa phương với phát triển các ngành, lĩnh vực, đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu, mục tiêu của doanh nghiệp trên địa bàn. **(vi)** Phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng và sử dụng có hiệu quả “nhân tài”, tập trung thu hút “người tài từ nước ngoài”. Tỉnh/Thành phố tiếp tục đầu tư, hiện đại hoá, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục năng khiếu trong giáo dục phổ thông. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư, đóng góp về tài chính, nhân lực, vật lực xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục năng khiếu ở địa phương.

#### **b) Đối với nguồn vật lực**

- *Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên:* **(i)** Xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp cụ thể hoá quan điểm kinh tế hoá tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh/thành phố. **(ii)** Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản phẩm phù hợp với lợi thế của địa phương và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đa dạng hoá nguồn lực phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng tại địa phương. **(iii)** Rà soát diện tích đất và tình hình đất đã giao cho các chủ sử dụng, nhất là các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước quy mô lớn trên địa bàn. Xử lý triệt để bất cập trong quản lý, sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp tại địa phương, nhất là tình trạng lấn chiếm, chuyển nhượng, chuyển mục đích, cho thuê, cho mượn, giao khoán trái pháp luật. **(iv)** Tiếp tục nâng cao tỷ lệ che phủ rừng và chất lượng rừng của địa phương. Triển khai quyết liệt các giải pháp ngăn chặn tình trạng cháy rừng và chặt phá rừng trên địa bàn Tỉnh/Thành phố. Đẩy mạnh giao đất, giao rừng, nâng cao thu nhập và đời sống người làm lâm nghiệp trong tỉnh. Thống nhất thiết lập và quản lý có hiệu quả hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên của Tỉnh/Thành phố (nếu có). **(v)** Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản và quản lý môi trường, tiến tới đầu

thầu quyền khai thác mỏ, hoạt động khai thác và một số hoạt động phụ trợ khai thác mỏ ở địa phương. Xử lý nghiêm việc khai thác tài nguyên không phép, trái phép trên địa bàn Tỉnh/Thành phố. (vi) Triển khai thực hiện các giải pháp lưu giữ và sử dụng tiết kiệm các nguồn nước của địa phương. Ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm hành vi gây ô nhiễm nguồn nước trên địa bàn Tỉnh/Thành phố.

- *Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội:* (i) Hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của địa phương theo hướng công khai, minh bạch, bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, địa phương, nhà đầu tư và xã hội. (ii) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm bảo đảm việc huy động, sử dụng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn đúng mục đích, hiệu quả, xử lý nghiêm các vi phạm gây tổn thất, lãng phí. (iii) Rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, kiên quyết chấm dứt đầu tư đối với các dự án kém hiệu quả, thiếu tính khả thi để tập trung đầu tư cho các công trình và dự án cấp bách khác trên địa bàn Tỉnh/Thành phố. (iv) Nâng cao chất lượng công tác quản lý của địa phương trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan nhà nước tại địa phương trong triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt đối với các vấn đề liên quan đến bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội và môi trường. Làm rõ vai trò, trách nhiệm của các ngành chức năng ở địa phương, nhất là người đứng đầu trong xây dựng, quản lý thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư. (v) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp quản lý hiện đại trong tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh/Thành phố.

c) *Đối với nguồn tài lực:* (i) Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước, tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước ở địa phương. Nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tập trung chống thất thu, chuyển giá và nợ đọng thuế. Giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách nhà nước của địa phương, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp; không ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án khi không cân đối được nguồn; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước của địa phương. Phân đầu từng bước giảm tỷ lệ bội chi ngân sách của địa phương, tiến tới cân bằng thu - chi. (ii) Kiểm soát và quản lý nợ công của địa phương trong giới hạn cho phép, đẩy mạnh cơ cấu lại nợ công, kiểm soát chặt chẽ các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn. Nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công của địa phương, gắn trách nhiệm phân bổ, sử dụng vốn vay với trách nhiệm giải trình, cân đối nghĩa vụ trả nợ. (iii) Rà soát, hoàn thiện và thực hiện các giải pháp đồng bộ, thiết thực, hiệu quả để tăng dự trữ cấp tỉnh/thành phố và các nguồn lực tài chính khác cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. (iv) Có giải pháp phù hợp khuyến khích huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực vàng và ngoại tệ trong dân cư cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh/thành phố. (v) Riêng Hà Nội và Thành Phố Hồ Chí Minh: Sắp xếp Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh để thành lập Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam. (vi) Nâng cao năng lực quản lý,

giám sát của cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương về bảo hiểm. *(vii) Nghiên cứu xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công ở cấp địa phương. (viii) Rà soát, hoàn thiện chính sách tài chính về đất đai, khai thác tài nguyên thiên nhiên tại địa phương.*

### **2.3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

- Những hạn chế bộc lộ trong quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết *(để nghị làm rõ những hạn chế của hệ thống pháp luật hiện hành chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; sự thiếu đồng bộ của các văn bản quy phạm pháp luật).*

- Nguyên nhân (gồm nguyên nhân khách quan, chủ quan)

**2.4. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết tại địa phương** *(thể chế; cơ chế, chính sách, nguồn lực triển khai thực hiện,...)*

## **Phần III**

### **KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

#### **3.1. Bối cảnh và điều kiện mới đặt ra**

Nhận định về bối cảnh mới đặt ra đối với yêu cầu cần tiếp tục quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của địa phương một cách có hiệu quả *(bối cảnh trong nước, bối cảnh quốc tế, những vấn đề mới đặt ra... giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045).*

**3.2. Kiến nghị, đề xuất về việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết** *(để nghị nêu rõ căn cứ và hướng sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện)*

**3.3. Kiến nghị, đề xuất về sửa đổi bổ sung nhiệm vụ, giải pháp** *(để nghị nêu rõ ý kiến và căn cứ về việc sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết và đề xuất ban hành các giải pháp mới)*

**3.4. Kiến nghị, đề xuất những nội dung trọng tâm trong dự thảo Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 39 trong thời gian tới**

*Trên cơ sở mục tiêu của Đề án là ban hành Kết luận tiếp tục thực hiện Nghị quyết đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, để nghị nêu rõ các nội dung cần tập trung kiến nghị, đề xuất*